

Số /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Thực trạng giáo dục và đào tạo gắn với thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”
(Tài liệu phục vụ Hội nghị tiếp xúc, đối thoại của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Bí thư - Chủ tịch UBND tỉnh với cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo)

Thực hiện Kế hoạch số 155-KH/TU, ngày 31/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hải Dương về việc tổ chức Hội nghị tiếp xúc, đối thoại của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ và đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh với cán bộ, công chức, viên chức lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo thực trạng lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Thực trạng và kết quả ngành Giáo dục và Đào tạo qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

I. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ

1. Sắp xếp, tổ chức mạng lưới trường, lớp, học sinh

- Mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được bố trí như sau: Mỗi đơn vị hành chính cấp xã có tối thiểu 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trường Trung học cơ sở (THCS) công lập; mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 03 trường Trung học phổ thông (THPT) công lập và 01 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX);

- Năm học 2022-2023, trên địa bàn toàn tỉnh có 842 trường mầm non, phổ thông (779 trường công lập, 63 trường tư thục). Trong đó, mầm non có 291

trường (246 trường công lập, 45 trường tư thục); tiểu học có 245 trường (243 trường công lập, 02 trường tư thục); THCS (bao gồm liên cấp TH&THCS) có 251 trường (250 trường công lập, 01 trường tư thục); THPT có 55 trường (40 trường công lập, 15 trường tư thục). Các trung tâm có: 01 trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Ngoại ngữ - Tin học tỉnh và 12 Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện. 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng, phối hợp cùng mạng lưới các trường phổ thông thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, suốt đời của nhân dân.

- Học sinh trên địa bàn tỉnh Hải Dương, sau khi tốt nghiệp THCS, nếu không học Chương trình Trung học phổ thông tại các trường THPT hoặc các Trung tâm GDNN- GDTX, học sinh có thể theo học trình độ trung cấp tại các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh. Sau 3 năm, học sinh vừa được cấp bằng Trung cấp nghề vừa được bằng Tốt nghiệp THPT hệ GDTX. Trong năm học 2022-2023, trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 01 trường Trung cấp và 04 trường Cao đẳng nghề tham gia đào tạo trình độ trung cấp, đồng thời tổ chức dạy văn hóa cho 3.244 học sinh tốt nghiệp THCS với quy mô 78 lớp. Dự kiến năm học 2023 - 2024, các trường Trung cấp và Cao đẳng nghề có thể tuyển 3.350 học sinh với quy mô 80 lớp; năm học 2024 - 2025 có thể tuyển 3.400 học sinh với quy mô 82 lớp.

Trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 04 trường Đại học và 01 cơ sở đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Trong số 04 trường Đại học, có 03 trường do Trung ương quản lý (gồm Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương; Đại học Sao Đỏ; Đại học Thành Đông) và 01 trường trực thuộc UBND tỉnh là Đại học Hải Dương. Hằng năm, các trường Đại học trên địa bàn tỉnh đã căn cứ vào chỉ tiêu được giao xây dựng Đề án tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã cụ thể hóa chủ trương Nghị quyết số 29-NQ/TW với các nghị quyết, kế hoạch, chương trình, đề án triển khai giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; kết hợp dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Giai đoạn 2013-2023, tỉnh Hải Dương đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, cơ chế tạo chuyển biến trong phát triển GDĐT cả về quy mô và chất lượng, tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho giáo dục. Hải Dương liên tục là một trong nhóm 10 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước về chất lượng học sinh giỏi... Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì và nâng cao sau từng năm; giáo dục đại học và giáo dục nghề đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao... được chú trọng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển của tỉnh Hải Dương, vùng Duyên hải Bắc Bộ và cả nước.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được triển khai bước đầu đã góp phần tạo chuyển biến căn bản, toàn diện chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông. Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, triển khai

đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục trong Chương trình, tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên được các cơ sở giáo dục và đào tạo quan tâm, chú trọng, triển khai với nhiều hình thức, hoạt động phong phú (qua chương trình, sinh hoạt ngoại khóa, lồng ghép, tích hợp trong việc thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua...); tăng cường các hoạt động ngoài lớp học, các hoạt động tham quan, trải nghiệm sáng tạo, học kỹ năng sống...; xây dựng văn hoá học đường, môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, tăng cường các biện pháp ngăn chặn tình trạng bạo lực học đường trong học sinh, sinh viên. 100% cơ sở giáo dục đã xây dựng và triển khai bộ quy tắc ứng xử; 100% các trường xây dựng các mô hình tự quản và liên kết bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông. Chỉ đạo tăng cường các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh; tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt tập thể... tạo sân chơi bổ ích, giáo dục toàn diện và phát huy tốt phẩm chất, năng lực của học sinh.

Từ 2013 đến nay, phương pháp dạy học từng bước chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học, từ lối "truyền thụ một chiều" sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất người học. Các phương pháp dạy học hiện đại, tích cực được triển khai: dạy học Dự án, Bàn tay nặn bột, Sơ đồ tư duy, Giáo dục STEM, STEAM...; đã có gần 5000 tiết dạy tốt các cấp, 800 chuyên đề đổi mới phương pháp được thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ giáo viên - học sinh theo hướng cộng tác. Đặc biệt, trong giai đoạn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, các cơ sở giáo dục chuyển từ hình thức dạy học trực tiếp sang dạy học trực tuyến. Các cuộc thi Khoa học, kỹ thuật được tổ chức hàng năm, góp phần thúc đẩy phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong các trường THCS và THPT, đại học. Qua 10 năm, Hải Dương đã có 43 dự án tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; đạt 3 Giải Nhất, 6 giải Nhì, 7 giải Ba và 9 giải Tư.

Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh được chú trọng. Từ năm 2013 đến nay, đã tổ chức giáo dục quốc phòng an ninh cho hơn 18.000 lượt học sinh, sinh viên các trường, trong đó 70% đạt khá giỏi, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông được triển khai đảm bảo thời lượng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công tác dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học Ngoại ngữ, Tin học được đầu tư. 100% các trường phổ thông tổ chức dạy học Tin học theo đúng quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục được triển khai thực hiện, việc mở rộng số lượng, quy mô, đi đôi với việc nâng cao chất lượng của

các trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh đã góp phần thúc đẩy phong trào, nâng cao hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ.

Việc trang bị các phương tiện dạy học hiện đại tại các cơ sở giáo dục từng bước được tăng cường. Nhiều trường học được trang bị đa phương tiện và thiết bị công nghệ phục vụ cho việc dạy và học. Mô hình phòng học thông minh được triển khai thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong phương pháp, hình thức dạy học.

3. Về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn

- Giáo dục Mầm non (GDMN): 100% trường mầm non phối hợp với các cơ sở y tế đủ điều kiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ. Công tác đảm bảo an toàn, phòng, chống dịch bệnh luôn được chú trọng. 100% trẻ được cân, đo theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo đúng quy định. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cả 2 thể nhẹ cân và thấp còi đều dưới 2%. 100% trẻ đến trường được học 2 buổi trên ngày theo Chương trình GDMN.

- Giáo dục phổ thông (GDPT):

+ Giáo dục tiểu học: Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì ổn định, tỷ lệ học sinh được đánh giá kết quả giáo dục ở mức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt tăng; tỷ lệ học sinh được đánh giá sự hình thành và phát triển về năng lực, phẩm chất ở mức hoàn thành và hoàn thành tốt đạt trên 98%. Năm 2022, tỷ lệ huy động số trẻ trong độ tuổi đi học tiểu học đạt 100%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,61%; tích cực vận động trẻ em khuyết tật học hòa nhập, hàng năm có khoảng 1.200 học sinh khuyết tật được học hòa nhập (đạt tỷ lệ 82,5% học sinh khuyết tật được tham gia học hòa nhập trong các nhà trường và học tại trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh), duy trì sĩ số học sinh, giảm tỷ lệ lưu ban, không có học sinh bỏ học. Các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 4, lớp 5. 100% các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn tự chọn và tham gia các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

Các trường tiếp tục duy trì và thực hiện tốt công tác giáo dục bơi cho học sinh, toàn tỉnh hiện có 125 bể bơi, đạt tỷ lệ 49,1% số trường có bể bơi (trong đó có 45 bể xây cố định, 80 bể bơi di động). Tỷ lệ ăn bán trú trong các trường tăng cả về số lượng và chất lượng, nhiều bếp ăn bán trú được xây dựng hiện đại, đảm bảo đúng quy chuẩn, công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm được coi trọng, trong nhiều năm qua, không có việc ngộ độc thức ăn xảy ra ở các đơn vị có tổ chức bán trú cho học sinh.

+ Giáo dục trung học đã quan tâm giáo dục toàn diện, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hình thành và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống thực tiễn. Năm 2022, tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đạt

99%. Giai đoạn 2020 - 2022, thứ hạng điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT có chuyên biến tích cực, Hải Dương trong top 15 tỉnh có kết quả tốt nhất. Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia được duy trì và phát triển, giữ vững vị trí top 10 các tỉnh, thành phố về thành tích thi học sinh giỏi quốc gia. Từ năm học 2012-2013 đến năm học 2022-2023, đã có tổng số 815 học sinh đạt giải quốc gia, trong đó có 28 giải Nhất, 200 giải Nhì, 277 giải Ba và 310 giải Khuyến khích; có 05 học sinh đạt giải thi Olympic quốc tế và Khu vực, trong đó có 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc quốc tế; 02 Huy chương Bạc và 01 Huy chương Đồng khu vực.

- Giáo dục nghề nghiệp: Trong năm học 2022 - 2023, trên địa bàn tỉnh có 01 trường Trung cấp và 04 trường Cao đẳng nghề¹ tham gia đào tạo trình độ trung cấp, đồng thời tổ chức dạy văn hóa cho 3.244 học sinh với quy mô 78 lớp. Dự kiến năm học 2023 - 2024, các trường Trung cấp và Cao đẳng nghề có thể tuyển 3.350 học sinh với quy mô 80 lớp; năm học 2024 - 2025 có thể tuyển 3.400 học sinh với quy mô 82 lớp. Nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học.

- Giáo dục đại học: Thực hiện Đề án “Phân đầu Hải Dương có 01 trường đại học đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển”, Hải Dương đã sáp nhập trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương. Hằng năm, các trường Đại học trên địa bàn tỉnh căn cứ vào chỉ tiêu được giao, xây dựng Đề án tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định; đã có 02 trường hoàn thành công tác kiểm định đại học là trường Đại học Hải Dương và Đại học Sao Đỏ.

4. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo, ban hành các văn bản hướng dẫn các nhà trường thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo đúng quy định. Chỉ đạo tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông trong việc đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học sinh. Tổ chức các chuyên đề, tiết dạy minh họa ứng dụng phương pháp kiểm tra đánh giá tích cực, hiện đại để lan tỏa tinh thần đổi mới và trao đổi kinh nghiệm trong cộng đồng giáo viên. Thực hiện đánh giá bằng các hình thức khác nhau (qua quan sát các hoạt động trên lớp; hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, kết quả thực hành, thí nghiệm...). Tích cực áp dụng công nghệ thông tin, các phần mềm trực tuyến trong kiểm tra, đánh giá để tăng tính khách quan. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với

¹ Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương - Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Dương (P. Ngọc Châu - TP Hải Dương); 2. Cao đẳng Du lịch và Công thương - Bộ Công thương (TT. Lai Cách - Cẩm Giàng); 3. Cao đẳng Cơ giới Xây dựng - Bộ Xây dựng (Sao Đỏ - Chí Linh); 4. Cao đẳng Giao thông vận tải Đường thủy I - Bộ Giao thông Vận tải (CS1 - P. Nam Đồng - TP Hải Dương); 5. Cao đẳng nghề Hải Dương - Ủy ban nhân dân tỉnh (P. Ái Quốc - TP Hải Dương).

đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của học sinh; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Kết quả nổi bật trong đổi mới thi, kiểm tra đánh giá: Xây dựng được ngân hàng đề thi với hàng nghìn câu hỏi ở nhiều môn học, được bổ sung và thẩm định hàng năm đảm bảo tính khách quan công bằng trong các kì thi học sinh giỏi, thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT; Nâng cao kết quả giáo dục đào tạo ở các cấp học.

** Đối với Giáo dục phổ thông:*

+ Giáo dục Tiểu học: Các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 4, lớp 5.

+ Giáo dục Trung học, giáo dục thường xuyên: Năm học 2022-2023, là năm đầu tiên thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới ở lớp 7, lớp 10 và là năm thứ 2 thực hiện ở lớp 6. Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh được các nhà trường chú trọng; giáo viên quan tâm rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập.

** Đối với giáo dục nghề nghiệp:* Đổi mới phương thức đánh giá người học trên cơ sở kiến thức, năng lực thực hành, ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp. Xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp dựa trên cơ sở tích lũy mô đun, tín chỉ, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong quá trình đánh giá kết quả đào tạo.

** Đối với giáo dục đại học:* Việc đánh giá năng lực của sinh viên được thực hiện trong suốt quá trình học tập, tập trung thu thập, phân tích các thông tin để có thể đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của sinh viên theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc. Vận dụng linh hoạt nhiều hình thức kiểm tra đánh giá tùy vào đặc trưng môn học, khối lượng kiến thức và đặc trưng nghề nghiệp mà trường đào tạo.

Từ năm 2015 đến nay, kỳ thi tốt nghiệp THPT thực hiện đổi mới theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, bảo đảm tính liên tục của lộ trình đổi mới thi, phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới.

Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục được phát triển và có vai trò quan trọng trong việc đánh giá và nâng cao chất lượng giáo dục. Qua hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, nhiều cơ sở giáo dục tích cực đổi mới sáng tạo trong hoạt động dạy học: các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục truyền thông, giáo dục kỹ năng sống... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Các cơ sở giáo dục đã tích cực ứng dụng CNTT trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Tính

đến 25/7/2023, có 79.09% trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Trong đó: 66.78% trường mầm non; 88.06% trường Tiểu học; trường THCS: 90.41%; THPT: 54.5%; trường phổ thông có nhiều cấp học: 53.84%.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã thực hiện việc tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và định kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, xây dựng phương thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với các ngành nghề. Trên địa bàn tỉnh Hải Dương có trường Cao đẳng Cơ giới xây dựng là đơn vị được phép tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Về công tác tuyển dụng và sử dụng lao động đã qua đào tạo: hầu hết các học viên sau khi học xong đều có việc làm (trên 80%), trong đó có những học viên đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Năm 2018, tỉnh đã hoàn thành việc sáp nhập 12 trung tâm GDTX, 7 trung tâm KTTH-HN-DN thành 12 trung tâm GDNN-GDTX trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố. Mạng lưới trường, lớp trong hệ thống giáo dục của tỉnh được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập phong phú, đa dạng của nhân dân, tạo cơ hội cho mọi người được học tập suốt đời; phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng như: đài phát thanh, đài truyền hình, báo, tạp chí, mạng Internet và các thiết chế văn hóa: thư viện, bảo tàng, câu lạc bộ... vào việc đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập luôn được các cấp uỷ, chính quyền quan tâm lãnh đạo, tổ chức thực hiện, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến nay, toàn tỉnh có 11.070 tổ chức Hội khuyến học với 718.455 hội viên; tổ chức Hội đã phủ khắp 100% các xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố, các cơ quan, đơn vị, trường học. Phong trào xây dựng gia đình, dòng họ, thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị khuyến học có nhiều chuyển biến tích cực. Toàn tỉnh có 449.357 gia đình được công nhận “Gia đình học tập”; 7.674 dòng họ được biểu dương “Dòng họ học tập”; 1.383 cộng đồng được công nhận “Cộng đồng học tập”; 1.094 đơn vị được công nhận là “Đơn vị học tập”; có 235 Trung tâm học tập cộng đồng. Hàng năm, tỉnh tổ chức phát động “Tuần lễ học tập suốt đời”, khuyến khích xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài, đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”. Hội Khuyến học các cấp, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh đã cấp học bổng, tặng quà và khen thưởng cho hàng nghìn học sinh...

Về mạng lưới giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Trên địa bàn tỉnh có 04 trường Đại học, trong đó có 03 trường do Trung ương quản lý (gồm Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương; Đại học Sao Đỏ; Đại học Thành Đông) và 01 trường trực thuộc tỉnh là Đại học Hải Dương; có 30 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: 08 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 07 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và 12 trung tâm GDNN - GDTX; trong đó có 20 cơ sở giáo dục nghề

nghiệp đang hoạt động gồm: 08 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 06 trung tâm GDNN và 04 trung tâm GDNN - GDTX). Tỉnh chỉ đạo, triển khai quy hoạch lại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã triển khai chương trình, đào tạo theo "chuẩn đầu ra", tích cực đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn, lấy người học làm trung tâm; triển khai mô hình đào tạo nghề nghiệp gắn với các doanh nghiệp; đa dạng hóa các loại hình đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Một số trường đã lựa chọn, áp dụng chương trình, tiêu chuẩn và công nghệ đào tạo tiên tiến của khu vực và quốc tế nhằm đào tạo nhân lực có tay nghề cao phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Một số trường đại học, cao đẳng đã chủ động trong công tác hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế với các nước có uy tín như Đài Loan, Đức, Úc... Trong giai đoạn 2017 - 2020, bình quân hàng năm, quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hải Dương đạt 36.500 học sinh, sinh viên tốt nghiệp, riêng giáo dục đại học của tỉnh năm 2020 đạt 12.210 sinh viên.

Công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; sự liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học được các cấp uỷ, chính quyền, các nhà trường quan tâm. Hàng năm, phối hợp tổ chức tốt Chương trình tư vấn hướng nghiệp theo hình thức trực tuyến cho học sinh lớp 12; phối hợp tổ chức khảo sát nhu cầu, nguyện vọng của học sinh trong việc lựa chọn ngành nghề, định hướng nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục đã chủ động phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức các hoạt động ngày hội tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế tại các cơ sở sản xuất cho học sinh. Tích cực tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh trung học. Năm 2022: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại các Trung tâm GDNN-GDTX và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đạt 19,9%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đạt trên 6%.

Về khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học (trên địa bàn tỉnh hiện có 01 trường đại học ngoài công lập và 15 trường THPT tư thục). Các trường tự đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư tài chính, tuyển dụng nhân sự theo quy định.

6. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

Thực hiện Nghị định số 127/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, Hải Dương đã thực hiện đổi mới nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý. UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục - Đào tạo, đảm bảo sự liên thông, tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

100% đơn vị trường học đã hoàn thành xây dựng đề án vị trí việc làm, thực hiện nghiêm việc công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017; Quy chế dân chủ trong nhà trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020; thực hiện cơ chế nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, giao quyền tự chủ cho các trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; tổ chức triển khai kế hoạch giáo dục gắn trách nhiệm, năng lực quản lý nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý.

Tỉnh đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục, quy chế hoạt động, thực hiện tốt các nội dung công khai, dân chủ trong các trường học gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục, tạo sự đoàn kết, nhất trí, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, dạy học; 100% cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo theo hướng dẫn của cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo 3 công khai về: chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính trong nhà trường...

Công tác quản lý các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài được triển khai theo hình thức xã hội hóa giáo dục ở một số trường Tiểu học, THCS và THPT, đảm bảo theo đúng quy định.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, theo đúng quy định. Sau thanh tra, kiểm tra đã góp phần phòng ngừa, phát hiện những sai phạm, hạn chế, thiếu sót trong quản lý và kịp thời kiến nghị, xử lý vi phạm, đề xuất các biện pháp khắc phục, góp phần chấn chỉnh, duy trì kỷ cương, nề nếp trong hoạt động giáo dục.

7. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Hiện trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh như sau:

Cấp học	Số biên chế giao năm 2023		Số biên chế hiện có (tháng 2/2023)				Số biên chế chưa sử dụng
	Đầu năm	Cuối năm	Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên	
Mầm non	9.468	9.359	9.017	766	7.971	280	342
Tiểu học	8.806	8.861	8.228	548	6.982	698	633
THCS	6.989	7.130	6.776	514	5.488	774	354
THPT	2.562	2.559	2.471	131	2.168	172	88
Tổng	27.825	27.909	26.492	1.959	22.609	1.924	1.417

Theo Kế hoạch 3580/KH-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, giai đoạn 2022 - 2026, tỉnh giao định mức trung bình đối với giáo viên Mầm non là 2,0 giáo viên/lớp; đối với Tiểu học là 1,43 giáo viên/lớp; đối với THCS là 1,72 giáo viên/lớp; đối với THPT là 2,03 giáo viên/lớp. Trong khi đó, tỷ lệ giáo viên/lớp theo định mức tối đa của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với Mầm non là 2,5 giáo viên/lớp nhà trẻ và 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo; đối với Tiểu học là 1,5 giáo viên/lớp; đối với THCS là 1,9 giáo viên/lớp; đối với THPT là 2,25 giáo viên/lớp.

Theo quy định về định mức giáo viên/lớp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhu cầu bổ sung biên chế của các cấp học trên địa bàn tỉnh là: Mầm non 1.165 biên chế, Tiểu học 1.460 biên chế, THCS 717 biên chế, THPT 272 biên chế.

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cấp học không ngừng được bổ sung để ổn định dần về số lượng, cơ cấu ngày càng đồng bộ, trình độ đào tạo được chuẩn hóa, năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày một cải thiện...

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4808/KH-UBND, ngày 31/12/2020 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Tính đến năm 2023, theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn ở các cấp học: Mầm non 97,0%, Tiểu học 95,7%, THCS 93,5%, THPT 100%.

Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập, đảm bảo đúng đối tượng và điều kiện áp dụng. 100% nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công lập được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi; chế độ phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo và các chế độ, quyền lợi khác theo các quy định. Hàng năm, mỗi đơn vị sự nghiệp giáo

dục và đào tạo có khoảng 10% nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt thành tích trong các năm học được nâng bậc lương trước thời hạn.

Các trường đại học ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó quy định chi hỗ trợ giảng viên, nhất là giảng viên trẻ (hỗ trợ về chỗ ở, học tập, nghiên cứu khoa học...). Đồng thời, áp dụng nhiều chính sách mở để thu hút chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài giảng dạy tại Hải Dương.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thường xuyên cử cán bộ, nhà giáo tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghề do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức, cử nhà giáo đến thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ..., áp dụng nhiều chính sách để thu hút giáo viên giỏi về giảng dạy tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Cơ sở vật chất và hoạt động mua sắm trang thiết bị phục vụ thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

8.1. Quỹ đất dành cho giáo dục

Quỹ đất dành cho giáo dục các huyện, thành phố, thị xã cơ bản đảm bảo về diện tích theo quy định tối thiểu 2,7m²/người. Định hướng quy hoạch đến năm 2030 các huyện, thành phố, thị xã trên cơ sở dự báo tăng dân số và định mức phân bổ quỹ đất dành cho giáo dục của tỉnh, đã thực hiện quy hoạch đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển. Tuy nhiên việc đầu tư xây dựng mở rộng trường, lớp học còn hạn chế, dẫn đến một số nơi thiếu phòng học, phải sử dụng các phòng học chức năng hoặc đi học nhờ, tạm trong khi chờ xây dựng phòng học bổ sung.

8.2. Phòng học và phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập

- Hiện trạng phòng học năm học 2022 - 2023:

Cấp học	Số phòng học				Phòng học mượn, nhờ
	Tổng	Phòng kiên cố	Phòng bán kiên cố	Phòng tạm	
Mầm non	4.723	4.550	139	34	44
Tiểu học	5.595	5.493	91	11	65
THCS	2.993	2.950	29	14	23
THPT	1.292	1.281	11	0	46
GDTX	286	261	14	11	0
Tổng	14.889	14.535	284	70	178

- Như vậy, toàn tỉnh hiện có 70 phòng học tạm và 178 phòng học nhờ, mượn. Với quyết tâm xóa phòng học tạm, phòng học mượn và bổ sung phòng

học thiếu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 đảm bảo đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt Đề án “Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025” góp phần xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ của tỉnh, tạo điều kiện để thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI cũng như đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 28/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025.

- Hiện trạng phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập: Phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập cơ bản đáp ứng được yêu cầu để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006. Tuy nhiên, để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, còn nhiều trường thiếu phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập (phòng Âm nhạc, phòng Giáo dục rèn luyện thể chất/nhà đa năng).

9. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Hàng năm, tỉnh luôn chủ động dành tối đa nguồn lực từ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo theo kế hoạch; nâng mức hỗ trợ xây dựng phòng học kiên cố (đối với các công trình không thuộc đề án kiên cố trường lớp của Chính phủ - Đề án 20) từ mức 25 triệu đồng/phòng học kiên cố lên mức 50 triệu đồng/phòng học kiên cố; nâng mức hỗ trợ kinh phí xây dựng trường chuẩn quốc gia theo đề án từ mức 500 triệu đồng/trường lên mức 3 tỷ đồng/trường chuẩn quốc gia (áp dụng đến năm 2020 - hiện đã hết hiệu lực). Chế độ, chính sách cho công chức, viên chức, người lao động trong ngành Giáo dục và Đào tạo được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Tỉnh đã huy động 40% nguồn thu từ học phí để tạo nguồn cải cách tiền lương, đồng thời khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội tham gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách; xây dựng, thực hiện cơ chế tài chính mới nhằm nâng cao mức độ tự chủ thông qua việc giảm dần sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phù hợp, thuận lợi cho các đơn vị sự nghiệp sau sáp nhập.

Công tác xã hội hoá giáo dục; xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp được cấp uỷ, chính quyền các cấp trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Hàng năm, các nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, nhà hảo tâm và cha mẹ học sinh hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cho hoạt động dạy và học.

Tổng kinh phí dành cho giáo dục và đào tạo từ năm 2013 đến tháng 3/2023 là 39.197 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 1.521 tỷ đồng; kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo là 37.676 tỷ đồng, chiếm 42% chi thường xuyên NSDP và 26% tổng chi NSDP (vượt yêu cầu chi ngân sách cho giáo dục hàng năm cao hơn mức tối thiểu 20% tổng chi ngân sách).

Các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh được triển khai hiệu quả. Các dự án sử dụng vốn đầu tư công đã củng cố, hoàn thiện mạng lưới trường lớp, đảm bảo điều kiện vật chất để phát triển giáo dục, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục ở các khu vực khác nhau. Tiếp tục thực hiện các Dự án: Chăm sóc mắt học đường mở rộng do Quỹ FHF của Úc tài trợ, dự án do Tổ chức The Fred Hollows Foundation viện trợ; tiếp nhận Dự án "Hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Hải Dương" do tổ chức Onesky của Mỹ tài trợ.

Về chính sách, đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn luôn được quan tâm. Tỉnh hiện có một số dân tộc thiểu số như dân tộc Tày, Thổ, Sán Diu, Dao, Khơ Me, Hoa,... chủ yếu sinh sống trên địa bàn một số xã, phường thuộc thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn và một số huyện trong tỉnh. Các em học sinh dân tộc thiểu số được miễn hoàn toàn học phí, được hỗ trợ tiền ăn và chi phí học tập...

II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn và vướng mắc

- Việc thực hiện chính sách còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Vai trò quản lý nhà nước, sự phối hợp của các ngành trong tham mưu xây dựng, quy hoạch, dự báo sự phát triển số lượng học sinh, áp lực về cơ sở vật chất, trường, lớp còn nhiều hạn chế.

- Nhiều trường học hiện không đủ diện tích theo quy định hiện hành hoặc không còn khả năng mở rộng khuôn viên tại chỗ, nhất là những trường trong khu vực đô thị, khu vực đông dân cư không còn quỹ đất để xây dựng, mở rộng trường.

- Cơ sở vật chất nhiều nhà trường chưa đáp ứng được theo các Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc sáp nhập trường ở một số địa phương dẫn đến tăng quy mô số lớp ở một số trường, không đảm bảo tiêu chí trường chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT. Việc trang bị các thiết bị dạy học tại một số đơn vị chưa kịp thời, chưa đáp ứng được sự phát triển của công nghệ và thiết bị máy móc mới của các doanh nghiệp; một số cơ sở GDNN chưa mạnh dạn mở thêm ngành nghề mới mà xã hội có nhu cầu...

- Tiến độ thực hiện chương trình, chất lượng dạy-học của các nhà trường bị ảnh hưởng do phải nghỉ và dạy học trực tuyến vì dịch bệnh Covid-19. Chất lượng giáo dục toàn diện ở một số CSGD, nhất là cơ sở giáo dục tư thục còn thấp, chưa được đánh giá đúng thực chất.

- Cơ cấu giáo viên giữa các môn học, cấp học chưa đồng bộ, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ tại địa phương, trường học. Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều. Công tác tuyển dụng giáo viên gặp khó khăn do thiếu nguồn tuyển, do yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Tỷ lệ giáo viên/lớp thấp hơn so với định mức tối đa của Bộ GDĐT quy định cùng với chủ trương tinh giản biên chế dẫn đến các cơ sở giáo

dục không đảm bảo đủ số lượng người làm việc theo quy mô lớp. Việc bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình GDPT 2018 theo các modul chưa đúng tiến độ.

- Chưa thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không có dự án đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp bằng nguồn vốn của nước ngoài. Công tác xã hội hoá gặp khó khăn do vướng quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số diễn ra chưa đồng đều ở các khu vực, hạ tầng kỹ thuật mạng lưới chưa đảm bảo. Công tác nghiên cứu khoa học diễn ra mạnh mẽ nhưng tỉ lệ ứng dụng thực tiễn còn có hạn chế.

- Chưa làm tốt việc chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, nhất là đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

- Hiệu quả thực hiện các giải pháp phân luồng học sinh vào học giáo dục nghề nghiệp chưa cao, trên 80% học sinh tốt nghiệp THCS lựa chọn việc học tiếp bậc trung học phổ thông.

- Việc đào tạo người lao động vào làm việc phần lớn là do doanh nghiệp tự đào tạo theo hướng kèm cặp nghề. Việc tuyển dụng lao động rất khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải tuyển dụng lao động từ một số tỉnh lân cận, đã phần nào ảnh hưởng đến công tác đào tạo nghề nghiệp của các cơ sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Chế độ tiền lương, phụ cấp giáo viên nhất là giáo viên mầm non, tiểu học còn thấp; cơ chế chính sách về xã hội hóa trong lĩnh vực GDĐT chưa tạo được động lực thu hút nguồn lực đầu tư.

- Việc thiếu giáo viên do còn vướng mắc các quy định nên tuyển dụng chậm; thiếu nguồn giáo viên để tuyển.

- Yêu cầu đổi mới giáo dục rất cao, rất cấp bách, tạo áp lực không nhỏ đối với các cấp quản lý và ngành giáo dục.

- Công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động chưa tốt, nhận thức của xã hội về đào tạo giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ, người lao động chưa nhận thức đúng về lợi ích của học nghề, còn đề cao tư tưởng bằng cấp, chưa chú trọng đến tay nghề.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhiều đơn vị giáo dục còn chưa mạnh dạn trong việc kêu gọi các nguồn lực cho giáo dục; nguồn huy động còn đặt trong phạm vi hẹp, thiếu tính chiến lược.

- Công tác dự báo và xây dựng kế hoạch có lúc thiếu kịp thời. Việc cập nhật, nắm bắt để vận dụng, cụ thể hóa một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để thực hiện tại một số nơi còn lúng túng.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng chưa tương xứng và đáp ứng yêu cầu sử dụng đất giáo dục và đào tạo theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt;

wướng mắc về công tác đền bù giải phóng mặt bằng, không còn quỹ đất liền kề để mở rộng khuôn viên theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc bổ sung quỹ đất ở các vị trí khác cách xa trường chính là vấn đề bất cập cho công tác quản lý, việc xây mới để chuyển trường ra địa điểm khác cần vốn đầu tư lớn song không sử dụng được cơ sở cũ gây lãng phí vốn đầu tư...; nhiều dự án đầu tư, cơ sở giáo dục đã được chấp thuận đầu tư trong các khu đô thị mới, khu dân cư mới nhưng chậm triển khai thực hiện.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Trong những năm tới, Hải Dương tập trung khơi dậy khát vọng phát triển, đổi mới sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh khối đại đoàn kết của toàn Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh với quan điểm phát triển xuyên suốt, bao trùm: “Tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo để phát triển bứt phá, bền vững, nâng tầm vị thế Hải Dương”. Vì vậy, hoạt động GDĐT cần gắn kết với dự báo nhu cầu xã hội, thị trường lao động; gắn kết giữa GDĐT với lực lượng sản xuất; kết hợp hiệu quả nguồn lực Nhà nước với huy động nguồn lực xã hội để đầu tư trọng tâm, trọng điểm; đồng thời, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

2. Xây dựng nền giáo dục mở có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc

3. Hiện đại hóa hệ thống giáo dục và đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu chuyên giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào GDĐT để làm động lực phát triển, hội nhập khu vực và thế giới.

4. Huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo.

5. Tăng cường quan hệ hợp tác, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GDĐT về lĩnh vực giáo

dục. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI “*về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục về các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT và dạy nghề theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương Đảng, Nghị quyết số 44/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 53-CTr/TU của Tỉnh ủy và các đề án, kế hoạch của tỉnh, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động quyết tâm đổi mới GDĐT và dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường công tác quản lý về giáo dục và đào tạo. Tích cực chỉ đạo đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu trên cơ sở bảo đảm giáo dục toàn diện. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích hợp, lồng ghép, tinh giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; tổ chức và tham gia các kỳ thi, hội thi dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, học viên, học sinh và trẻ em. Khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo trong quản lý, dạy học.

4. Căn cứ vào định hướng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển và quy định của ngành, nhu cầu của các địa phương, tổ chức rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất cho giáo dục, ưu tiên dành quỹ đất cho xây dựng, mở rộng trường, nhất là khu vực đô thị, đông dân cư, các địa phương phát triển khu, cụm công nghiệp. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới và tất cả các hoạt động giáo dục, đào tạo. Phấn đấu từng bước đạt được tiêu chuẩn về cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn cơ sở giáo dục phổ thông.

5. Triển khai tích cực và hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cho giáo dục và đào tạo; thực hiện chính sách phát triển xã hội hóa giáo dục, đặc biệt là chính sách phát triển trường mầm non tại các khu công nghiệp và các trường THPT tư thục, tiểu học tư thục theo mô hình trường quốc tế; xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển giáo dục đào tạo chất lượng cao.

6. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, giáo viên; xây dựng Kế hoạch tuyển dụng giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục; làm tốt công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác...

7. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; triển khai phần mềm quản lý các khoản thu và thanh toán không dùng tiền mặt cho các cơ sở giáo dục; tích hợp các báo cáo về cơ sở vật chất trên cơ sở dữ liệu ngành; thường xuyên cập nhật, làm sạch dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành luôn “đúng, đủ, sạch, sống” và liên thông dữ liệu với các hệ thống: quản lý trường học, tuyển sinh đầu cấp, quản lý thi tốt nghiệp THPT, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Tiếp tục quan tâm công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, công tác giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, công tác y tế trường học; truyền thông phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, an toàn giao thông, phòng, chống ma túy cho học sinh; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội; tăng cường an ninh, an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh.

9. Tổ chức tốt các kỳ thi trong năm học, tích cực nghiên cứu các biện pháp nâng cao chất lượng, kết quả thi tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT; tiếp tục rút kinh nghiệm công tác kiểm tra, đánh giá học sinh; đổi mới công tác tuyển sinh đặc biệt là tuyển sinh lớp 10 THPT.

10. Triển khai thực hiện hiệu quả công tác truyền thông giáo dục, tăng cường tuyên truyền, định hướng dư luận tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền về các mục tiêu, yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

11. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS theo hướng giảm tỷ lệ học sinh học tại các trung tâm GDNN - GDTX, tăng tỉ lệ học sinh vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để học nghề kết hợp với học văn hóa phổ thông.

12. Tiếp tục triển khai việc thực hiện gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong công tác đào tạo nghiệp. Đồng thời thực hiện khảo sát đánh giá nguồn lao động và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch đào tạo phù hợp với yêu cầu; chú trọng đào tạo có địa chỉ, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

13. Đẩy mạnh hơn nữa công tác đánh giá công nhận chuẩn quốc gia, nâng cao số lượng, chất lượng các trường được đánh giá, công nhận. Phân đấu hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (*để báo cáo*)
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Hiền (7).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Thế Hùng